

## TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG THÂN DÂN THỜI TRẦN VÀ GIÁ TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Tư tưởng thân dân là một trong những giá trị nổi bật trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, có nguồn gốc từ sự gắn kết giữa Nhà nước và nhân dân từ buổi đầu dựng nước Văn Lang - Âu Lạc, được tiếp tục kế thừa qua các triều đại và phát triển mạnh mẽ dưới thời Trần (1226 - 1400). Giá trị của tư tưởng thân dân được lịch sử ghi nhận, vận dụng và phát triển qua các thời kỳ, đặc biệt là trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, tư tưởng thân dân thời Trần vẫn còn những giá trị to lớn.

**Từ khóa:** công cuộc xây dựng đất nước; thời Trần; tư tưởng thân dân

**1** Cơ sở hình thành tư tưởng thân dân thời Trần

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “thân” là có quan hệ gần gũi, gắn bó mật thiết<sup>(1)</sup>. Thân dân được hiểu là có quan hệ gần gũi, gắn bó mật thiết với nhân dân. Dưới thời Trần, nhân dân là tầng lớp bị trị, lực lượng lao động đông đảo, quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội và là lực lượng căn bản quyết định sự thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Có thể hiểu, tư tưởng thân dân là những quan điểm của lực lượng cầm quyền phản ánh mối quan hệ gần gũi, gắn bó mật thiết giữa giai cấp thống trị với nhân dân, nhằm duy trì và củng cố địa vị thống trị của giai cấp, đồng thời bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Tư tưởng thân dân thời Trần được quy định bởi nhiều yếu tố, trước hết là nhu cầu trị thủy và chống giặc ngoại xâm. Theo các nhà nghiên cứu, trong thời kỳ Lý - Trần, “vùng Đông Nam Á trở nên ám bất thường, làm cho mùa mưa hàng năm kéo dài, nước sông thường xuyên dâng cao”<sup>(2)</sup>. Điều này, một mặt, thuận lợi cho phát triển nông

ngiệp; mặt khác, gây nên tình trạng lũ lụt, mất mùa, đói kém. Vì vậy, đắp đê trị thủy là công việc to lớn, thường xuyên được nhà Trần thực hiện dựa trên sức mạnh nhân dân. Nhu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước cũng là thực tiễn chính trị lớn nhất thời kỳ này.

Vào thế kỷ XIII, nhà Trần phải đối mặt với sự xâm lược của thế lực hùng mạnh nhất thế giới - đế quốc Nguyên - Mông (ba lần xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1287). Với chiến lược tấn công ào ạt, chớp nhoáng, trong vòng nửa thế kỷ, quân Nguyên - Mông đã biến các quốc gia từ Âu sang Á trở thành nô lệ hoặc bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Trước yêu cầu bảo vệ nền độc lập, giai cấp phong kiến nhà Trần đã trở thành lực lượng ưu tú, đại diện cho quyền lợi dân tộc, thực hiện chính sách thân dân nhằm đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng thân dân thời Trần còn là kết quả kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và sự thấm thấu giá trị văn hóa độc đáo: “tam giáo đồng nguyên” - hiện tượng ba tôn giáo gồm Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo cùng tồn tại, dung hợp trên nền tảng văn hóa dân tộc. Vì vậy, ở các vị vua nhà Trần có sự gặp gỡ thống nhất giữa nhà

<sup>(\*)</sup> Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

trí thức, nhà tư tưởng, người phật tử và cao hơn hết là vị anh hùng dân tộc. Do đó, tư tưởng thân dân vừa có sự hòa quyện, thâm thấu tư tưởng từ bi, bác ái theo tinh thần Phật giáo, vừa đề cao vai trò của nhân dân theo tinh thần Nho giáo, vừa thể hiện tính quy luật, hợp ý trời lòng dân trong trị nước theo tinh thần Đạo giáo, trên nền tảng chủ đạo là truyền thống yêu nước, thương dân sâu sắc của dân tộc. Nhờ tinh thần khoan dung tôn giáo, nhà Trần đã thu phục được nhân tâm, cổ kết được lòng người, tạo nên ngọn nguồn sức mạnh đoàn kết dân tộc trước họa ngoại xâm.

## 2. Nội dung tư tưởng thân dân thời Trần

*Thứ nhất, tư tưởng thân dân thể hiện ở sự gần gũi, chăm lo cho cuộc sống của nhân dân*

Thời thịnh Trần, mối quan hệ giữa vua quan và nhân dân có sự gần gũi, gắn bó nhất định. Các vua Trần thường xuyên vi hành đến các làng xã coi việc đắp đê, gặt lúa, tịch điền... để xem xét đời sống của nhân dân: “Trẫm muốn đi chơi, ngậm nghe lời nói của dân, để xem xét ý muốn của chúng ngõ hầu thấu hiểu việc làm vật và thể nào”<sup>(3)</sup>. Các vua Trần cũng quan tâm gắn kết các dân tộc thiểu số qua việc phong chức tước cho các tù trưởng và cử quan lại am hiểu phong tục tập quán cùng hiệp trợ cai quản, vỗ về dân chúng. Điều đó cho thấy, các vua Trần rất quan tâm đến dân tình, dân ý, dân sinh. Trong quân đội, giữa tướng lĩnh và binh lính cũng thân thiết như cha con. Trần Quốc Tuấn từng căn dặn các tướng sĩ: “trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc điều trị; quân có người chết tướng phải khói hương (...) cho nên tướng với binh có cái ơn hòa rượu và hút máu”<sup>(4)</sup>. Sự gần gũi trên đã tạo nên mối quan hệ “hòa mục”, đoàn kết giữa vua quan và nhân dân, giữa tướng lĩnh và binh lính, được nhân dân hết lòng ủng hộ, giúp sức.

Cùng với đó, nhà Trần rất chú trọng thực hiện chính sách “khoan thư sức dân”, lo liệu cho nhân dân an cư lạc nghiệp, trước hết là chú trọng đắp đê phòng lụt với quy mô lớn. Năm 1248, triều đình “lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là đê quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển, đê ngăn nước lũ tràn ngập”<sup>(5)</sup> và cử các chức quan trông coi đê điều. Đặc biệt, khi ruộng đất của nhân dân bị xâm

phạm bởi việc lấy đất đắp đê, triều đình đã thực hiện việc đền bù phù hợp: “Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền”<sup>(6)</sup>. Việc đền bù đất theo giá cho dân được xem là việc hy hữu trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, thể hiện tư tưởng trọng dân, quan tâm đến lợi ích hợp pháp của nhân dân.

Bên cạnh đó, nhà Trần tiếp tục duy trì chính sách “ngụ binh ư nông” từ thời Lý, quân lính thay phiên nhau về làm nông, bảo đảm lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nên cuộc sống của người dân ngày càng no ấm. Đồng thời, khi thiên tai, chiến tranh xảy ra, triều đình đã thực hiện các biện pháp để cứu trợ nhân dân. Năm 1290, thiên tai xảy ra, “Vua xuống chiếu phát thóc công chẩn cấp cho dân nghèo và miễn thuế dân đinh, bỏ thí vàng bạc, tiền lụa, xuống chiếu cho những dân lương thiện làm nô tỳ thì phải cho chuộc lại”<sup>(7)</sup>. Có thể nói, thời thịnh Trần, sự gần gũi, gắn bó, chăm lo cho đời sống của nhân dân đã thể hiện sâu sắc tư tưởng thân dân, tấm lòng nhân ái, yêu thương dân như con của các vua Trần, có tác dụng “bồi dưỡng sức dân”, tăng cường lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với triều đình.

*Thứ hai, tư tưởng thân dân nhà Trần thể hiện ở sự coi trọng vai trò của nhân dân*

Sự coi trọng vai trò của nhân dân thể hiện trước hết đối với những người lớn tuổi trong cộng đồng, thông qua việc vua Trần thiết yến và ban lụa cho bà lão vào dịp quan trọng; coi trọng vai trò của những người dân vốn có địa vị thấp kém trong xã hội. Khi gặp gia đồng của vương hầu, vua Trần Nhân Tông đã răn các vệ sĩ không được thét đuổi và dạy rằng: “ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt”<sup>(8)</sup>, bởi những nô tỳ ấy đã đi theo bảo vệ vua trong lúc giặc giã, dù phải hy sinh tính mạng. Vào lúc hiểm nguy, khi Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn được gia nô Yết Kiêu giúp đỡ rút lui khỏi vòng vây giặc, đã cảm kích nói rằng: “Chim hồng hộc bay được cao là nhờ ở sáu cái lông cánh, nếu không có sáu cái lông cánh ấy thì cũng như chim thường thôi”<sup>(9)</sup>. Điều này cho thấy, vua tôi nhà Trần có sự nhìn nhận thấu suốt về sức mạnh của nhân dân. Dù có binh hùng,

tướng mạnh nhưng sự nghiệp dựng nước và giữ nước không thể thành công nếu thiếu vai trò của nhân dân. Đặc biệt, nhà Trần không chỉ nhìn thấy sức mạnh, mà còn đề cao trí tuệ của nhân dân.

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, nhà Trần là triều đại duy nhất đã tổ chức hội nghị “đại biểu toàn dân” - Hội nghị Diên Hồng, đề hỏi ý kiến nhân dân về vấn đề chính trị có tính chất sống còn đối với vận mệnh quốc gia: nên đánh hay hòa. Cuối năm 1284, khi giặc Nguyên - Mông chuẩn bị xâm lược nước ta lần thứ hai, Thái Thượng hoàng Trần Thánh Tông đã mở Hội nghị Diên Hồng mời các bô lão, đại diện cho nhân dân cả nước, về kinh thành Thăng Long để hỏi kế đánh giặc. “Các cụ bô lão đều nói đánh, muôn người cùng một tiếng, muôn lời như bật ra cùng một miệng”<sup>(10)</sup>. Tiếng hô “Đánh” từ Hội nghị Diên Hồng đã làm dậy lên tinh thần sục sôi quyết tâm đánh giặc, tạo nên hào khí Đông A quyết chiến quyết thắng của quân - thần - dân nhà Trần. Đây là sự kiện chính trị thể hiện đỉnh cao của tư tưởng thân dân thời Trần, kế thừa và phát huy tinh thần dân chủ trong truyền thống dân tộc; đồng thời, vượt ra khỏi khuôn khổ tư tưởng thân dân trong Nho giáo, trở thành triết lý chính trị nhân văn trong đạo trị nước: ý chí và nguyện vọng của nhân dân trở thành xuất phát điểm trong đường lối chính trị. Đó là biểu tượng cao đẹp của tư tưởng “nước lấy dân làm gốc”, sự tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân: “chúng chí thành thành” ý chí của dân chúng là bức tường thành kiên cố, vững chắc nhất để bảo vệ đất nước. Hội nghị Diên Hồng được coi là một trong những biểu tượng ngời sáng của chủ nghĩa yêu nước, ý chí và khát vọng độc lập, tinh thần đoàn kết dân tộc, tạo nên nét độc đáo trong tư tưởng thân dân nhà Trần.

*Thứ ba, tư tưởng thân dân là phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào dân để đánh giặc*

Từ việc đề cao vai trò của nhân dân, nhà Trần đã quyết tâm dựa vào dân để đánh giặc trên cơ sở phát huy sức mạnh đoàn kết trong nhân dân, trung tâm là khối đoàn kết triều đình. Trước họa ngoại xâm, vua tôi nhà Trần đã chủ động xóa bỏ mối hiểm khích trong dòng họ, đoàn kết hoàng tộc, một lòng một dạ chiến đấu vì đất nước. Đồng

thời, nhà Trần còn thể hiện quyết tâm đánh giặc cao độ, với những lời lẽ như “máu chảy đầu ngọn bút, nước mắt thấm đầm trang giấy” trong *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xẻ thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm”<sup>(11)</sup>.

Lời hịch đã thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến trong các tướng sĩ, binh lính và được họ tự khắc thành hai chữ “Sát Thát”<sup>(12)</sup> trên cánh tay của mình. Các lực lượng quân đội, vũ trang được xây dựng nhanh chóng từ con em của các nông hộ, lực lượng gia nô và dân binh của các đồng bào dân tộc miền núi. Ở kinh thành, người dân tự nguyện đốt nhà cửa của mình, thực hiện kế “thanh dã”, đào hào dựng lũy lập làng chiến đấu<sup>(13)</sup>. Trong cuộc kháng chiến hào hùng ấy, mỗi người dân đã trở thành một chiến sĩ đóng góp sức mình cùng triều đình chống giặc. Lịch sử dân tộc còn ghi lại hình ảnh người nông dân Trần Lai dâng bát cơm hầm gạo xấu cho vua Trần Nhân Tông lúc giặc già; những người nông dân mang lương thực ủng hộ nghĩa quân; anh cố nông giữa buổi cày từ biệt mẹ già theo quân triều đình đi đánh giặc; bà hàng nước ở bến đò Rừng đã chỉ cho Trần Quốc Tuấn biết con nước sông Bạch Đằng để bố trí trận mai phục... Từ trong nhân dân, những người tài giỏi xuất chúng đều được tiến cử cầm quân đánh giặc, như Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão...

Trong lúc vận mệnh đất nước hiểm nguy, dưới sự lãnh đạo của vua tôi nhà Trần, mỗi người dân Đại Việt đã đóng góp công sức vào việc giữ vững nền độc lập của đất nước. Tư tưởng dựa vào dân để đánh giặc đã trở thành nền tảng cho một cuộc chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ vậy, một nước Đại Việt, đất không rộng, người không đông nhưng đã ba lần đánh tan đội quân Nguyên Mông xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước. Sử gia Ngô Sĩ Liên cho rằng: “may mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định”<sup>(14)</sup>.

Có thể khẳng định, trong cuộc chiến đấu không cân sức, chính sự ủng hộ to lớn của toàn thể nhân dân là yếu tố quyết định làm nên những chiến thắng hào hùng. Sự ủng hộ ấy được bắt nguồn từ chính sách thân dân, “khoan thư sức dân” của nhà Trần trong thời bình. Vì vậy, năm 1300, trả lời câu hỏi của vua Trần Anh Tông về kế sách bảo vệ đất nước, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn khẳng định: “Phải xây dựng được một “đội quân cha con” rồi mới có thể sử dụng được. Và lại khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”<sup>(15)</sup>. Như vậy, một trong những yếu tố then chốt cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước là đoàn kết dân tộc trên cơ sở “hòa mục”. Muốn vậy, trong thời bình, lực lượng cầm quyền phải giảm nhẹ sức đóng góp cho nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân. Chỉ khi “lo liệu cho nhân dân an cư lạc nghiệp, sống no ấm trong thời bình thì trong thời chiến nhà nước mới có thể đứng vững như cây có rễ sâu, dựa vào sức dân để mà tổ chức cuộc chiến tranh cứu nước thắng lợi. Một nhà nước mà được sự ủng hộ hết lòng của nhân dân thì không kẻ thù nào đánh bại được”<sup>(16)</sup>.

### 3. Những giá trị cơ bản của tư tưởng thân dân thời Trần hiện nay

Mặc dù có những hạn chế lịch sử nhất định, song tư tưởng thân dân thời Trần đã tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần đưa dân tộc ta vượt qua thời kỳ lịch sử đầy khó khăn; đồng thời, trở thành một trong những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp tục được kế thừa và vận dụng trong sự nghiệp cách mạng. Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng thân dân trong truyền thống và nâng lên tầm cao mới: thân dân gắn với việc xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục kế thừa và phát huy tư tưởng thân dân nhằm lãnh đạo thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân*

*kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”<sup>(17)</sup>.

Trên cơ sở kế thừa tư tưởng thân dân thời Trần, để góp phần phục vụ tốt hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay, chúng ta cần nắm vững **những giá trị cơ bản** sau:

*Một là*, bài học “nước lấy dân làm gốc”. Thắng lợi oanh liệt, hào hùng của quân dân nhà Trần cho thấy, một chế độ chính trị có bền vững hay không, yếu tố quyết định là lòng dân, sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân. Lịch sử đã minh định một quy luật rằng: khi nào lực lượng cầm quyền gần dân, chăm lo cho đời sống của nhân dân, được sự ủng hộ của nhân dân, sẽ hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử. Bởi, nhân dân chính là nơi tiềm ẩn sức mạnh con người, kinh tế, chính trị, quốc phòng, đưa lại sự ổn định và phát triển đất nước. Do đó, trong xây dựng đường lối, chính sách, Đảng và Nhà nước phải luôn xuất phát từ nhu cầu, lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân, đặc biệt trong việc thực hiện các chính sách xã hội, “phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người”<sup>(18)</sup>, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo. Đó chính là việc “bồi dưỡng sức dân”, “kế sâu rễ bền gốc” để xây dựng thành công chế độ chính trị mới.

*Hai là*, trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, cần phải dựa vào nhân dân, thực hiện chiến lược chiến tranh nhân dân để bảo vệ vững chắc chế độ chính trị mới. Do đó, Đảng cần quan tâm: “Xây dựng “*thế trận lòng dân*”, *thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân* vững chắc làm nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”<sup>(19)</sup>. Trong đó, “thế trận lòng dân” được đặt lên hàng đầu trong mối quan hệ với thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Mặc dù “thế trận lòng dân” không thể

hiện ra bằng hình hài cụ thể như thể trận quân sự, nhưng có thể tạo nên sức mạnh rất to lớn. Bởi, thực tiễn cách mạng cho thấy, sự đồng sức, đồng lòng “muôn người như một”, tinh thần quyết chiến của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc”<sup>(20)</sup>. Do đó, để “xây dựng thể trận lòng dân”, đòi hỏi phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, xa dân, vô cảm trước những khó khăn của nhân dân.

Ba là, Đảng và Nhà nước tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị, trong đó, mỗi thành tố của hệ thống chính trị đều phải quán triệt quan điểm “dân là gốc”. “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”<sup>(21)</sup>. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt là chỗ dựa vững chắc cho việc thực hiện dân chủ. Xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, quan tâm xây dựng Đảng về cán bộ và coi đó là “then chốt của then chốt”; đề cao việc nêu gương cán bộ, đảng viên và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, giám sát hoạt động của Đảng, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; đặc biệt, lấy sự hài lòng, tín nhiệm của nhân dân là “thước đo” cơ bản nhất để đánh giá kết quả xây dựng Đảng<sup>(22)</sup>.

Đồng thời, Đảng cần phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân thông qua các phương thức thực hành dân chủ: “Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”<sup>(23)</sup>. Trong đó, nhân dân không chỉ được biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát mà còn trực tiếp “thụ hưởng” những thành quả của sự phát triển, tạo động lực mạnh mẽ để nhân dân tiếp tục đóng góp, cống hiến tài năng, sức lực, của cải của

minh vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, cần “xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân”<sup>(24)</sup>.

Tóm lại, tư tưởng thân dân, gần dân, trọng dân, dựa vào dân thời Trần đã trở thành một trong những giá trị văn hóa chính trị quý báu của dân tộc ta, tạo nên sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, góp phần làm nên những thắng lợi hào hùng, mốc son chói lọi trong lịch sử. Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục kế thừa và phát huy tư tưởng thân dân, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân để đem tài dân, sức dân, của cải của dân làm lợi cho dân; đồng thời, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để phát triển bền vững đất nước □

<sup>(1)</sup> Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr.1168

<sup>(2)</sup> Vũ Minh Giang, *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Trần từ một số tiếp cận mới*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3/2021, tr.3-17

<sup>(3)</sup> Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.4, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.517

<sup>(4)</sup> Trần Quốc Tuấn, *Binh thư yếu lược*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.76-77

<sup>(5)</sup>, <sup>(6)</sup>, <sup>(7)</sup>, <sup>(8)</sup>, <sup>(9)</sup> và <sup>(14)</sup> Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển V, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.28, 27, 68, 75, 75 và 65

<sup>(10)</sup> Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, t.3 (71 giai thoại thời Trần), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1992, tr. 25

<sup>(11)</sup> và <sup>(15)</sup> Viện Văn học, *Thơ văn Lý Trần*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.391, tr. 279, tr. 424

<sup>(12)</sup> Thát: tức là Thát Đát, phiên âm từ Ta-ta (Tatar hay Tartar) chỉ người Mông Cổ. Sát thát: giết giặc Thát Đát (giặc Nguyên Mông)

<sup>(13)</sup> Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr.228

<sup>(16)</sup> Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.205 <sup>(17)</sup>, <sup>(18)</sup>, <sup>(19)</sup>, <sup>(21)</sup>, <sup>(22)</sup>, <sup>(23)</sup> và <sup>(24)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.27 - 28, 147 - 148, 49, 118, 191, 173 và 174

<sup>(20)</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.89